

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



## AvatarOn, 2 switches, 20A, 250V, 2P, LED, Wood

E8332D20N\_WD

⚠ Ngừng sản xuất vào: 13 thg 9, 2024

⚠ Ngừng sản xuất

### Main

|                           |                                                                                                    |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Product or component type | Switch                                                                                             |
| Device application        | Control                                                                                            |
| Load type                 | Resistive<br>Fluorescent lamps<br>Small motor load<br>Incandescent lamp<br>Serial boost load (SBL) |
| Colour tint               | Wood                                                                                               |

### Complementary

|                              |                                                                                                                                             |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Device presentation          | Complete product                                                                                                                            |
| Rated current                | 20 A at 250 V AC 50/60 Hz                                                                                                                   |
| Switch function              | 2-pole 1-way                                                                                                                                |
| Number of gangs              | 2 gangs                                                                                                                                     |
| Number of rocker             | 2                                                                                                                                           |
| Clamping connection capacity | 3 x 2.5 mm <sup>2</sup> for stranded cable(s)<br>1 x 4 mm <sup>2</sup> for stranded cable(s)<br>1 x 6 mm <sup>2</sup> for stranded cable(s) |
| Connections - terminals      | Brass terminal                                                                                                                              |
| Local signalling             | On: LED indicator, LED (amber)                                                                                                              |
| Material                     | Polycarbonate: grid plate<br>Polycarbonate: base<br>Polycarbonate: dolly<br>Polycarbonate: frame<br>Polycarbonate + GF 20 %: actuator       |
| Device mounting              | Flush                                                                                                                                       |
| Width                        | 86 mm                                                                                                                                       |
| Height                       | 86 mm                                                                                                                                       |
| Depth                        | 32 mm                                                                                                                                       |

### Environment

|                                               |          |
|-----------------------------------------------|----------|
| IP degree of protection                       | IP20     |
| Maximum ambient air temperature for operation | 45 °C    |
| Operating altitude                            | 2000 m   |
| Relative humidity                             | 0...95 % |

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

|                              |                                                            |
|------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Standards                    | BS EN 60669-1<br>SS 227-1<br>MS IEC 60669-1<br>IEC 60669-1 |
| Environmental characteristic | UV resistant                                               |

## Packing Units

|                              |            |
|------------------------------|------------|
| Unit Type of Package 1       | PCE        |
| Number of Units in Package 1 | 1          |
| Package 1 Height             | 3.2 cm     |
| Package 1 Width              | 8.6 cm     |
| Package 1 Length             | 8.6 cm     |
| Package 1 Weight             | 140 g      |
| Unit Type of Package 2       | CAR        |
| Number of Units in Package 2 | 8          |
| Package 2 Height             | 9.5 cm     |
| Package 2 Width              | 9 cm       |
| Package 2 Length             | 19.5 cm    |
| Package 2 Weight             | 1.122 kg   |
| Unit Type of Package 3       | PAL        |
| Number of Units in Package 3 | 1728       |
| Package 3 Height             | 110 cm     |
| Package 3 Width              | 80 cm      |
| Package 3 Length             | 120 cm     |
| Package 3 Weight             | 255.152 kg |

# Environmental Data

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

Dữ liệu môi trường đã giải thích >

Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >

## Ảnh hưởng môi trường

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

## Use Better

### Vật liệu và Bao bì

|                                        |     |
|----------------------------------------|-----|
| Packaging made with recycled cardboard | Yes |
|----------------------------------------|-----|

|                                      |     |
|--------------------------------------|-----|
| Packaging without single use plastic | Yes |
|--------------------------------------|-----|

|                   |                           |
|-------------------|---------------------------|
| EU RoHS Directive | Compliant with Exemptions |
|-------------------|---------------------------|

|                  |                                   |
|------------------|-----------------------------------|
| REACH Regulation | <a href="#">REACH Declaration</a> |
|------------------|-----------------------------------|

|                       |                                        |
|-----------------------|----------------------------------------|
| China RoHS Regulation | <a href="#">China RoHS declaration</a> |
|-----------------------|----------------------------------------|

## Use Again

### Đóng gói lại và tái sản xuất

|                     |                                          |
|---------------------|------------------------------------------|
| Circularity Profile | No need of specific recycling operations |
|---------------------|------------------------------------------|